

Bản án số: 84/2023/DS-ST
Ngày: 06-07-2023.
V/v tranh chấp Hợp đồng
tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 4 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Đoàn Thanh Trúc

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Bùi Anh Tuấn.

2/ Bà Đoàn Thị Mai Anh.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Phan Quế Anh - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 07 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 206/2022/TLST - DS ngày 29 tháng 12 năm 2022 về việc tranh chấp “Hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 355/2023/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 06 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: NHTMCPQTVN.

Địa chỉ: Tầng 1 (Tầng trệt) và Tầng 2 Tòa nhà ST, số 111AP, Phường BN, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông GT “có mặt”.

Địa chỉ: Tầng 6, số 26 UVK, Phường A, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Giấy ủy quyền số 111343.22 ngày 12/10/2022).

Bị đơn: Bà NTTTT, sinh năm 1992 “vắng mặt”.

Địa chỉ: 171/102 TĐ, Phường B, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Vào ngày 22/04/2019, bà NTTTT có ký Hợp đồng tín dụng số 0566.19.638.HDTD với NHTMCPQTVN vay số tiền 950.000.000 đồng, mục đích vay là mua xe ô tô nhãn hiệu FR, thời hạn vay là 84 tháng. Lãi suất

vay tại thời điểm giải ngân là 9%/năm. Đây là lãi suất ưu đãi so với lãi suất thông thường và là lãi suất cơ sở theo sản phẩm trong kỳ + biên độ 3%/năm và chỉ áp dụng trong thời gian 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân khoản vay. Hết thời hạn ưu đãi trên thì lãi suất sẽ được điều chỉnh lại 03 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở theo sản phẩm theo quy định của NHTMCPQTVN tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 3,9%/năm. Phương thức thanh toán như sau: Hàng tháng trả vào ngày 25, mỗi tháng trả 11.310.000 đồng, tháng cuối cùng trả 11.270.000 đồng. Trả nợ lãi hàng tháng vào ngày 25, kỳ trả nợ đầu tiên vào ngày 25/05/2019. Trả phí theo quy định của NHTMCPQTVN từng thời kỳ. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Sau khi ký kết hợp đồng tín dụng, NHTMCPQTVN đã tiến hành giải ngân cho bà NTTT theo Đơn đề nghị giải ngân kèm Khế ước nhận nợ số 0538.19.638.KUNN ngày 24/04/2019 với số tiền 950.000.000 đồng theo đúng yêu cầu và phù hợp với hợp đồng tín dụng đã ký kết. Quá trình thực hiện hợp đồng, bà NTTT đã thanh toán cho NHTMCPQTVN số tiền tổng cộng là 501.087.945 đồng (trong đó: nợ gốc là 305.570.000 đồng, nợ lãi là 195.517.945 đồng) rồi sau đó cố tình né tránh việc trả nợ mặc dù đã được NHTMCPQTVN nhắc nhở nhiều lần. Do đó, NHTMCPQTVN đã chuyển khoản vay thành khoản nợ quá hạn từ ngày 25/08/2021.

Vào ngày 29/07/2019, bà NTTT có đơn Đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế kèm Hợp đồng mở và sử dụng tài khoản nộp tại NHTMCPQTVN. Căn cứ vào thu nhập, NHTMCPQTVN đã đồng ý phát hành thẻ tín dụng cho bà NTTT với hạn mức tín dụng là 60.000.000 đồng, loại thẻ VIB Cash Back, mục đích là vay tiêu dùng, lãi suất vay theo quy định của NHTMCPQTVN theo từng thời kỳ. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà NTTT đã vi phạm nghĩa vụ nghĩa vụ thanh toán mặc dù đã được NHTMCPQTVN nhắc nhở nhiều lần.

Do bà NTTT vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên NHTMCPQTVN đề nghị Tòa án buộc bà NTTT phải có trách nhiệm thanh toán số tiền nợ gốc và nợ lãi của Hợp đồng tín dụng số 0566.19.638.HDTD ngày 22/04/2019 tạm tính đến ngày 06/07/2023 là 874.665.516 đồng (trong đó: nợ gốc là 644.430.000 đồng, nợ lãi là 230.235.516 đồng) và số tiền còn nợ của Đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế kèm Hợp đồng mở và sử dụng tài khoản tạm tính đến ngày 06/07/2023 là 415.047.246 đồng (trong đó: nợ gốc là 59.949.508 đồng, nợ lãi là 355.097.738 đồng). Tổng cộng là 1.289.712.762 đồng. Ngoài ra, bà NTTT còn phải có trách nhiệm tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh cho đến khi trả xong nợ theo mức lãi suất được thỏa thuận tại hợp đồng đã ký kết. Thanh toán ngay khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn bà NTTT mặc dù đã được Tòa án tổng đạt giấy triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt nên không có lời khai tại tòa. Cụ thể Tòa án đã tổng đạt các văn bản sau đây: Ngày 29/12/2022, Tòa án nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh đã ra thông báo thụ lý số 206/2022/TB-TLVA và đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý này cho bà NTTT nhưng sau 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo thụ lý bà NTTT vẫn không có ý kiến gì. Tòa án đã nhiều lần triệu tập bà NTTT đến Tòa án để lấy lời khai, triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông PTH đều vắng mặt không có lý do. Do đó trong hồ sơ vụ án không có lời trình bày của bị đơn.

Tại phiên tòa:

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông GT có mặt, đồng thời xác định vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là đề nghị bị đơn bà NTTTT phải có trách nhiệm thanh toán số tiền nợ gốc và nợ lãi của Hợp đồng tín dụng số 0566.19.638.HDTD ngày 22/04/2019 tạm tính đến ngày 06/07/2023 là 874.665.516 đồng (trong đó: nợ gốc là 644.430.000 đồng, nợ lãi là 230.235.516 đồng) và số tiền còn nợ của Đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế kèm Hợp đồng mở và sử dụng tài khoản tạm tính đến ngày 06/07/2023 là 415.047.246 đồng (trong đó: nợ gốc là 59.949.508 đồng, nợ lãi là 355.097.738 đồng). Tổng cộng là 1.289.712.762 đồng. Ngoài ra, bà NTTTT còn phải có trách nhiệm tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh cho đến khi trả xong nợ theo mức lãi suất được thỏa thuận tại hợp đồng đã ký kết. Thanh toán ngay khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn bà NTTTT vắng mặt nên không có lời trình bày tại tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi xét xử thì Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn của Thẩm phán theo quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết Thẩm phán đã thực hiện đúng, đầy đủ việc cấp, tổng đạt văn bản tố tụng cho đương sự đúng theo quy định tại các Điều 170, Điều 171 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; thực hiện đúng về thời hạn đưa vụ án ra xét xử theo điểm a khoản 1 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Tòa án thu thập chứng cứ, lấy lời khai của đương sự, tiến hành theo đúng quy định tại Điều 97 Bộ luật tố tụng dân sự. Việc gửi hồ sơ cho Viện Kiểm sát nghiên cứu theo đúng quy định tại Điều 220; Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã tuân thủ nguyên tắc xét xử về phiên tòa sơ thẩm được quy định tại Điều 222, Điều 223 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ Hợp đồng tín dụng số 0566.19.638.HDTD ngày 22/04/2019 và đơn Đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế kèm Hợp đồng mở và sử dụng tài khoản được ký kết giữa NHTMCPQTVN và bà NTTTT thì yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở do bà T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận giữa hai bên. Đại diện nguyên đơn có yêu cầu không xử lý tài sản đảm bảo. Từ khi thụ lý hồ sơ, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý và triệu tập bị đơn nhưng hết hạn thông báo mà bị đơn vẫn không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và buộc bị đơn phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về pháp luật tố tụng:

1.1. Về quan hệ tranh chấp:

Xét, NHTMCPQTVN khởi kiện yêu cầu bà NTTTT thanh toán số nợ còn thiếu của Hợp đồng tín dụng số 0566.19.638.HDTD ngày 22/04/2019 và đơn Đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế kèm Hợp đồng mở và sử dụng tài khoản được ký kết giữa hai bên đương sự. Như vậy, có cơ sở xác định đây là tranh chấp về Hợp đồng tín

dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2017.

1.2. Về thẩm quyền giải quyết:

Căn cứ kết quả xác minh của Tòa án nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh tại Công an Phường 15, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh có nội dung thể hiện “Bà NTTTT, sinh năm 1992 có hộ khẩu thường trú tại 171/102 TĐ, Phường A, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh. Đến năm 2009, tạm trú tại địa chỉ 609/20 CMTT, Phường C, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh”. Tuy nhiên, căn cứ kết quả xác minh của Tòa án nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh tại Công an Phường C, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh thì “Đương sự NTTTT, sinh năm 1992 không có thực tế cư ngụ tại địa chỉ 609/20 CMTT, Phường C, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh. Do đương sự NTTTT không có thông tin tại Phường C, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh nên không xác định được thời gian chuyển đi và địa chỉ nơi cư trú mới của đương sự”.

Xét, tại thời điểm giao kết hợp đồng tín dụng, bà NTTTT có địa chỉ nơi cư trú tại 171/102 TĐ, Phường A, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ Đơn tường trình của nguyên đơn thì NHTMCPQTVN không biết địa chỉ nào khác của bà NTTTT, ngoại trừ địa chỉ được thể hiện tại hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa nguyên đơn và bị đơn. Như vậy, địa chỉ 171/102 TĐ, Phường A, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh được xác định là địa chỉ nơi cư trú cuối cùng của bà NTTTT. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn cố tình giấu địa chỉ không báo cho cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về cư trú, làm cho người khởi kiện không biết được nhằm mục đích che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ đối với người khởi kiện như quy định tại điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Do đó, Tòa án nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh có thẩm quyền giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 và điểm a khoản 1 Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

1.3. Về thời hiệu khởi kiện:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện:

Vào ngày 22/04/2019, bà NTTTT có ký Hợp đồng tín dụng số 0566.19.638.HDTD với NHTMCPQTVN vay số tiền 950.000.000 đồng, mục đích vay là mua xe ô tô nhãn hiệu FR, thời hạn vay là 84 tháng. Lãi suất vay tại thời điểm giải ngân là 9%/năm. Đây là lãi suất ưu đãi so với lãi suất thông thường và là lãi suất cơ sở theo sản phẩm trong kỳ + biên độ 3%/năm và chỉ áp dụng trong thời gian 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân khoản vay. Hết thời hạn ưu đãi trên thì lãi suất sẽ được điều chỉnh lại 03 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở theo sản phẩm theo quy định của NHTMCPQTVN tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 3,9%/năm. Phương thức thanh toán như sau: Hàng tháng trả vào ngày 25, mỗi tháng trả 11.310.000 đồng, tháng cuối cùng trả 11.270.000 đồng. Trả nợ lãi hàng tháng vào ngày 25, kỳ trả nợ đầu tiên vào ngày 25/05/2019. Trả phí theo quy định của NHTMCPQTVN từng thời kỳ. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Sau khi ký kết hợp đồng tín dụng, NHTMCPQTVN đã tiến hành giải ngân cho bà NTTTT theo Đơn đề nghị giải ngân kèm Khế ước nhận nợ số 0538.19.638.KUNN ngày 24/04/2019 với số tiền 950.000.000 đồng theo đúng yêu cầu và phù hợp với hợp đồng tín dụng đã ký kết.

Vào ngày 29/07/2019, bà NTTTT có đơn Đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế kiêm Hợp đồng mở và sử dụng tài khoản nợ tại NHTMCPQTVN. Căn cứ vào thu nhập, NHTMCPQTVN đã đồng ý phát hành thẻ tín dụng cho bà NTTTT với hạn mức tín dụng là 60.000.000 đồng, loại thẻ VIB Cash Back, mục đích là vay tiêu dùng, lãi suất vay theo quy định của NHTMCPQTVN theo từng thời kỳ. Quá trình thực hiện hợp đồng, bà NTTTT đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo các hợp đồng đã ký kết, mặc dù đã được NHTMCPQTVN nhắc nhở nhiều lần. Ngày 31/10/2022, NHTMCPQTVN đã nộp đơn khởi kiện và đã được Tòa án cấp Giấy xác nhận đã nhận đơn khởi kiện.

Xét, tại Điều 149 Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 quy định “Tòa án chỉ áp dụng quy định về thời hiệu theo yêu cầu áp dụng thời hiệu của một bên hoặc các bên với điều kiện yêu cầu này phải được đưa ra trước khi Tòa án cấp sơ thẩm ra bản án, quyết định giải quyết vụ, việc”. Trong vụ án này, bị đơn bà NTTTT vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không đưa ra ý kiến gì và cũng không có bất cứ yêu cầu gì về việc áp dụng thời hiệu khởi kiện. Do đó, căn cứ quy định tại Điều 2 Nghị quyết số 103/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội và Điều 4 Nghị quyết số 02/2016/NQ-HĐTP ngày 30/6/2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì Tòa án vẫn thụ lý và giải quyết theo quy định pháp luật.

1.4. Thủ tục mở phiên tòa vắng mặt đương sự:

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện được việc tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà NTTTT tại địa chỉ nơi cư trú nhưng bà NTTTT không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án và cũng không nộp bất cứ tài liệu chứng cứ nào liên quan đến vụ án. Ngày 16/05/2023, Tòa án đã thực hiện việc cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng hợp lệ như Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 248/QĐXXST-DS và Giấy triệu tập tham gia phiên tòa vào ngày 14/06/2023 đối với bà NTTTT nhưng bị đơn vắng mặt không rõ lý do. Do đó, Tòa án không thể tiến hành xét xử vụ án được. Tại phiên tòa hôm nay: Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông GT có mặt, bị đơn bà NTTTT đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai có mặt tại phiên tòa vào ngày 06/07/2023 mà vẫn vắng mặt không rõ lý do. Vì vậy, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành xét xử vắng mặt bà NTTTT.

[2]. Về pháp luật nội dung:

2.1. Xét yêu cầu khởi kiện của NHTMCPQTVN về việc buộc bà NTTTT phải có trách nhiệm thanh toán số tiền nợ gốc của Hợp đồng tín dụng số 0566.19.638.HDTD ngày 22/04/2019 là 644.430.000 đồng.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án phù hợp với lời khai của nguyên đơn NHTMCPQTVN thì có cơ sở khẳng định: Vào ngày 22/04/2019, bà NTTTT có ký Hợp đồng tín dụng số 0566.19.638.HDTD với NHTMCPQTVN vay số tiền 950.000.000 đồng, mục đích vay là mua xe ô tô nhãn hiệu FR, thời hạn vay là 84 tháng. Lãi suất vay tại thời điểm giải ngân là 9%/năm. Đây là lãi suất ưu đãi so với lãi suất thông thường và là lãi suất cơ sở theo sản phẩm trong kỳ + biên độ 3%/năm và chỉ áp dụng trong thời gian 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân khoản vay. Hết thời hạn ưu đãi trên thì lãi suất sẽ được điều chỉnh lại 03 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở theo sản phẩm theo quy định của NHTMCPQTVN tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 3,9%/năm. Phương thức thanh toán như sau: Hàng tháng trả vào ngày

25, mỗi tháng trả 11.310.000 đồng, tháng cuối cùng trả 11.270.000 đồng. Trả nợ lãi hàng tháng vào ngày 25, kỳ trả nợ đầu tiên vào ngày 25/05/2019. Trả phí theo quy định của NHTMCPQTVN từng thời kỳ. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Sau khi ký kết hợp đồng tín dụng, NHTMCPQTVN đã tiến hành giải ngân cho bà NTTT theo Đơn đề nghị giải ngân kiêm Khế ước nhận nợ số 0538.19.638.KUNN ngày 24/04/2019 với số tiền 950.000.000 đồng theo đúng yêu cầu và phù hợp với hợp đồng tín dụng đã ký kết. Từ ngày giải ngân đến thời điểm hiện tại, bà NTTT đã thanh toán được số tiền nợ gốc là 305.570.000 đồng. Như vậy, bà NTTT còn nợ NHTMCPQTVN số tiền nợ gốc của Hợp đồng tín dụng số 0566.19.638.HDTD ngày 22/04/2019 với số tiền là 644.430.000 đồng. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

2.2. Xét yêu cầu khởi kiện của NHTMCPQTVN về việc buộc bà NTTT phải có trách nhiệm thanh toán số tiền nợ lãi của Hợp đồng tín dụng số 0566.19.638.HDTD ngày 22/04/2019 với số tiền tạm tính đến ngày 06/07/2023 là 230.235.516 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 07/07/2023 cho đến khi trả xong nợ theo mức lãi suất được thỏa thuận tại hợp đồng đã ký kết:

Xét, đây là tranh chấp giữa cá nhân với tổ chức tín dụng nên Tòa án áp dụng lãi suất do các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng để giải quyết. Căn cứ vào sự thỏa thuận của hai bên đương sự được ghi nhận tại Hợp đồng tín dụng số 0566.19.638.HDTD ngày 22/04/2019, Đơn đề nghị giải ngân kiêm Khế ước nhận nợ số 0538.19.638.KUNN ngày 24/04/2022 thì bà NTTT còn phải thanh toán cho ngân hàng số tiền nợ lãi tạm tính đến ngày 06/07/2023 là 230.235.516 đồng. Ngoài ra, bà NTTT còn phải có trách nhiệm tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh từ ngày 07/07/2023 cho đến khi trả xong nợ theo mức lãi suất được thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng đã ký kết. Như vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

2.3. Xét yêu cầu khởi kiện của NHTMCPQTVN về việc buộc bà NTTT phải có trách nhiệm thanh toán số tiền nợ gốc của hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Đề nghị phát hành Thẻ tín dụng quốc tế kiêm Hợp đồng mở và sử dụng tài khoản; Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng) với số tiền là 59.949.508 đồng.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án phù hợp với lời khai của nguyên đơn NHTMCPQTVN thì có cơ sở khẳng định: Vào ngày 29/07/2019, bà NTTT có đơn Đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế kiêm Hợp đồng mở và sử dụng tài khoản tại NHTMCPQTVN. Căn cứ vào thu nhập, NHTMCPQTVN đã đồng ý phát hành thẻ tín dụng cho bà NTTT với hạn mức tín dụng là 60.000.000 đồng, loại thẻ VIB Cash Back, mục đích là vay tiêu dùng, lãi suất vay theo quy định của NHTMCPQTVN theo từng thời kỳ. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà NTTT đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 59.949.508 đồng và không thanh toán bất kỳ khoản tiền nào cho NHTMCPQTVN mặc dù đã được Ngân hàng nhắc nhở nhiều lần. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

2.4. Xét yêu cầu khởi kiện của NHTMCPQTVN về việc buộc bà NTTT phải có trách nhiệm thanh toán số tiền nợ lãi của hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Đề nghị phát hành Thẻ tín dụng quốc tế kiêm Hợp đồng mở và sử dụng tài khoản; Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng) với số tiền là

355.097.738 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 07/07/2023 cho đến khi trả xong nợ theo mức lãi suất được thỏa thuận tại hợp đồng đã ký kết:

Xét, đây là tranh chấp giữa cá nhân với tổ chức tín dụng nên Tòa án áp dụng lãi suất do các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng để giải quyết. Căn cứ vào sự thỏa thuận của hai bên đương sự được ghi nhận tại hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Đề nghị phát hành Thẻ tín dụng quốc tế kèm Hợp đồng mở và sử dụng tài khoản; Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng) thì bà NTTTT còn phải thanh toán cho ngân hàng số tiền nợ lãi tạm tính đến ngày 06/07/2023 là 355.097.738 đồng. Ngoài ra, bà NTTTT còn phải có trách nhiệm tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh từ ngày 07/07/2023 cho đến khi trả xong nợ theo mức lãi suất được thỏa thuận tại hợp đồng đã ký kết. Như vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

2.5. Xét việc thế chấp tài sản của bà NTTTT tại NHTMCPQTVN:

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của NHTMCPQTVN là ông GT trình bày: Bà NTTTT có thể chấp tài sản là xe ô tô nhãn hiệu FR cho nguyên đơn. Tuy nhiên, ngân hàng chỉ khởi kiện yêu cầu bà NTTTT có trách nhiệm thanh toán số tiền còn thiếu, đồng thời xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với việc thế chấp tài sản của bà NTTTT tại NHTMCPQTVN. Trong trường hợp cần thiết thì nguyên đơn sẽ khởi kiện tranh chấp Hợp đồng thế chấp bằng vụ án dân sự khác.

Về vấn đề này, Hội đồng xét xử xét thấy: Tại khoản 1 Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định “Đương sự có quyền quyết định việc khởi kiện, yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ việc dân sự. Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó”.

Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết đối với việc thế chấp tài sản của bà NTTTT tại NHTMCPQTVN.

2.6. Về thời hạn thanh toán:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có cơ sở khẳng định: Bà NTTTT đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán của hợp đồng tín dụng và nguyên đơn cũng đã nhắc nhở nhiều lần nhưng bị đơn vẫn cố tình tránh né thực hiện nghĩa vụ trả nợ là vi phạm nghĩa vụ thanh toán.

Tại Điều 280 Bộ luật dân sự năm 2015, có hiệu lực thi hành ngày 01/01/2017 quy định về thực hiện nghĩa vụ trả tiền như sau: “Nghĩa vụ trả tiền phải được thực hiện đầy đủ, đúng thời hạn, đúng địa điểm và phương thức đã thỏa thuận”. Xét thấy, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có cơ sở khẳng định mặc dù đã được nguyên đơn NHTMCPQTVN đã đôn đốc, nhắc nhở nhiều lần nhưng bị đơn bà NTTTT vẫn cố tình né tránh thực hiện nghĩa vụ trả nợ là vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Vì vậy, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán số nợ còn thiếu ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh là có căn cứ.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên số tiền phải thanh toán cho nguyên đơn; Hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Luật phí và lệ phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 21, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm a khoản 1 Điều 40, Điều 147, Điều 203, Điều 220, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự có hiệu lực thi hành ngày 01/7/2016;

- Căn cứ vào Điều 280, Điều 357, Điều 429, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự có hiệu lực thi hành ngày 01/01/2017;

- Căn cứ vào Luật các Tổ chức tín dụng có hiệu lực thi hành ngày 01/01/2011;

- Căn cứ vào Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

- Căn cứ vào Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2015.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc bà NTTTT có trách nhiệm thanh toán cho NHTMCPQTVN số tiền nợ tạm tính đến ngày 06/07/2023 của Hợp đồng tín dụng số 0566.19.638.HDTD ngày 22/04/2019 là 874.665.516 đồng (trong đó: nợ gốc là 644.430.000 đồng, nợ lãi là 230.235.516 đồng) và số tiền còn nợ của đơn Đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế kèm Hợp đồng mở và sử dụng tài khoản là 415.047.246 đồng (trong đó: nợ gốc là 59.949.508 đồng, nợ lãi là 355.097.738 đồng). Tổng cộng là 1.289.712.762 đồng

Thanh toán ngay khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 07/07/2023 cho đến khi thi hành xong các khoản tiền nêu trên, hàng tháng bà NTTTT phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất nợ quá hạn do hai bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 0566.19.638.HDTD ngày 22/04/2019, Đơn đề nghị giải ngân kèm Khế ước nhận nợ số 0538.19.638.KUNN ngày 24/04/2019, Đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế kèm Hợp đồng mở và sử dụng tài khoản tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà NTTTT phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 50.691.383 đồng (năm mươi triệu sáu trăm chín mươi một nghìn ba trăm tám mươi ba đồng).

- Hoàn lại số tiền tạm ứng án phí là 19.034.000 đồng (mười chín triệu không trăm ba mươi bốn nghìn đồng) cho NHTMCPQTVN đã nộp theo biên lai số AA/2021/0009446 ngày 02/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo của các đương sự:

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP. HCM;
- VKSND Quận 4;
- Chi cục THADS Quận 4;
- Lưu: Vp, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Đoàn Thanh Trúc